

Số: 01 /QĐ-VPĐK

Bình Định, ngày 04 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định số 2643/QĐ-UBND ngày 31/07/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-STNMT ngày 30/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định (kèm theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, phòng Hành chính – Tổng hợp, các phòng, các chi nhánh trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở TN&MT
- Sở Tài chính
- Lưu: VT, HT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Hữu Bình

Đơn vị: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Định

Chương: 426

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-VPĐK ngày 04 /01/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	8.170
1.1	Lệ phí	480
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở	480
1.2	Phí	7.690
	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	4.700
	Phí giao dịch bảo đảm	2.900
	Phí khai thác và sử dụng thông tin đất đai	60
	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	30
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	6.888
2.1	Chi sự nghiệp kinh tế	6.888
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.888
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
2.2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	1.282
3.1	Lệ phí	480
	Lệ phí cấp giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở	480
3.2	Phí	802
	Phí thẩm định	470
	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	290
	Phí khai thác và sử dụng thông tin đất đai	30
	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	12
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.233
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	3.233
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.233
	Kinh phí không thực hiện chế độ từ chủ	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ quản lý, lưu trữ thông tin, tư liệu đất đai trong đó:	996
	* Thuê bao đường truyền, thuê dịch vụ Cloud; mua thiết bị thay thế sửa chữa máy chủ, bảo dưỡng hệ thống mạng, phần mềm diệt virus cho máy chủ, máy trạm	498
	* Tiền điện phục vụ máy chủ và kho lưu trữ	40
	* Hỗ trợ phòng chống mối mọt kho lưu trữ, trang bị hồ sơ lưu trữ	458
	- Chi phục vụ phí, lp	520
	- Triển khai thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh BD	121
	- Bảo trì, cập nhật, nhuận bút trang điện tử	54
	- Lập bảng tin tài nguyên và môi trường	292
	- Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực thanh tra ngành tài nguyên và môi trường BD	89
	- Cập nhật cơ sở dữ liệu điểm địa chính tỉnh BD	81



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	- Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	1.080
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0

Bình Định, Ngày 04 tháng 01 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Hữu Bình



